

Số: 01 /GPMT-TNMT

Nghệ An, ngày 01 tháng 7 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ủy quyền Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam thực hiện một số nhiệm vụ về lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 38/CV-MT ngày 16/05/2022 của Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của MNS Feed Nghệ An tại Khu C, KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An, địa chỉ tại Khu C, KCN Nam Cẩm, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của MNS Feed Nghệ An tại Khu C, KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của MNS Feed Nghệ An.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Khu C, KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 6580230279 do Ban quản lý KKT Đông Nam cấp điều chỉnh lần 3 ngày 02/03/2022.
- 1.4. Mã số thuế: 2901781923
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn chăn nuôi;

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án: 449.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban quản lý KKT Đông Nam, UBND huyện Nghi Lộc nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Ban quản lý KKT Đông Nam phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An;
- UBND huyện Nghi Lộc;
- Công TTĐT của Ban quản lý KKT Đông Nam;
- CCBVMT;
- Lưu: VT, HS.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 01/GPMT-TNMT ngày 01/7/2022 của Ban quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải được phát sinh từ 02 nguồn:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phục vụ dự án và khách hàng giao dịch tại nhà máy;
- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp (nước hoàn nguyên vật liệu lọc cấp nước cho lò hơi và xử lý khí thải lò hơi).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Cẩm.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tuyến đường 15 KCN phía Đông Bắc dự án;
- Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°): N: 02082196; E: 00596769.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $35 \text{ m}^3/\text{ngày}$, tương đương $1,45 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý nội bộ đạt giới hạn đầu vào của hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Cẩm được đầu nối theo phương thức tự chảy tại vị trí tọa độ nêu trên.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng giới hạn đầu vào của hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung KCN Nam Cẩm (TCVN 5945 – 2005 – Cột C) theo hợp đồng dịch vụ thoát nước với đơn vị quản lý vận hành.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

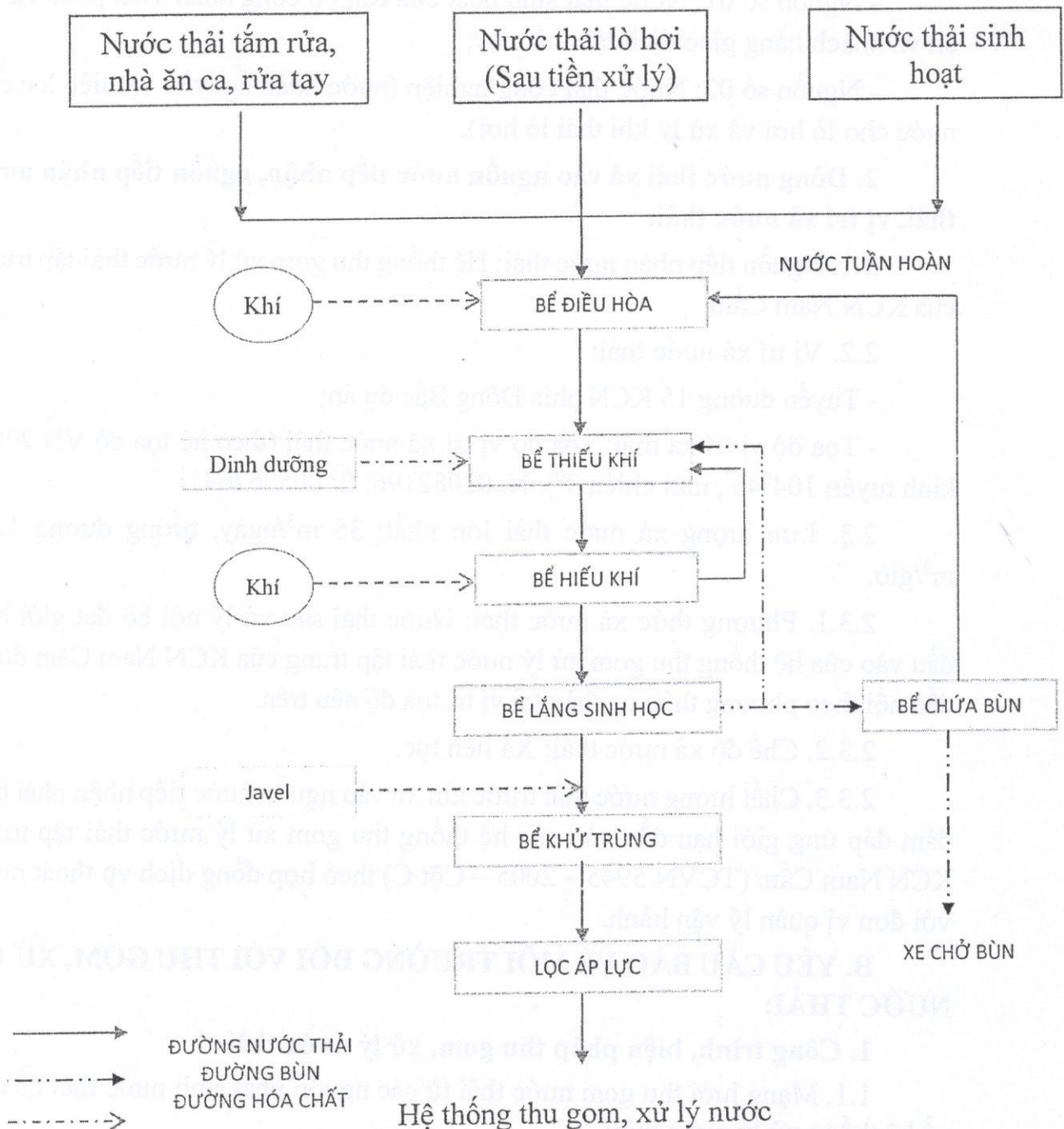
- Nước thải từ hoạt động ăn ca, rửa tay chân, tắm rửa: qua song chắn rác, thu gom bằng các đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung nội bộ của nhà máy;

- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung nội bộ của Nhà máy

- Nước thải từ hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi và xử lý khí thải lò hơi: Được xử lý tách lắng, tái sử dụng tuần hoàn, phần còn lại hoặc định kỳ thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung nội bộ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hệ thống xử lý nước thải nội bộ dự án được sử dụng là hệ thống xử lý sinh học.



Công nghệ xử lý nước thải bao gồm các bước chính sau:

- Bước 1: Sử dụng phương pháp cơ học để loại bỏ các chất nổi có tỷ trọng nhẹ hơn nước.

- Bước 2: Sử dụng phương pháp phân hủy sinh học thiếu khí và hiếu khí và phương pháp cơ học (lắng trọng lực) để loại bỏ các chất hữu cơ có mặt trong nước thải.

+ Quá trình thiếu khí: Nhằm mục đích khử lượng nitơ, photphos có trong nước thải.

+ Quá trình hiếu khí: Nhằm mục đích khử lượng chất hữu cơ ô nhiễm có trong nước (COD; BOD).

+ Quá trình lắng trọng lực: Nhằm loại bỏ cặn vi sinh (xác vi sinh) từ bể sinh học hiếu khí mang sang.

- Bước 3: Sử dụng phương pháp hóa học là khử trùng nước để tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh.

- Bước 4: Sử dụng phương pháp lọc áp lực để loại bỏ hàm lượng cặn và một số thành phần ô nhiễm còn tồn tại trước khi xả nước thải ra môi trường.

Bùn thải phát sinh trong quá trình xử lý được bơm về bể chứa bùn, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Công suất thiết kế: 35 m³/ngày;

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Khi 1 thiết bị trong hệ thống có lỗi xuất hiện, tùy theo mức độ mà hệ thống sẽ cảnh báo bằng chuông, bằng đèn vàng;

- Sự cố phòng ngừa, ứng phó cháy nổ: kiểm tra thường xuyên các hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống thông tin, báo động...để kịp thời phát hiện các hỏng hóc và các phương tiện thiết bị không đủ số lượng, chất lượng. Kịp thời bổ sung, cấp mới các phương tiện phòng cháy chữa cháy đã hư hỏng để đảm bảo tất cả các công trình đều phải có phương tiện cấp nước cứu hỏa.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

- Vận hành công trình xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật; điểm xả thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải;

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ban quản lý KKT Đông Nam, Đơn vị quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải tập trung KCN Nam Cẩm để chỉ đạo, giải quyết.



Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM
XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 01 ngày 01/7/2022
 của Ban quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ Lò Hơi đốt Biomass.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Vị trí xả khí thải có tọa độ: N: 02082011; E: 00596779; Hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3⁰.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong quá trình sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Quy chuẩn áp dụng: Theo QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – Cột B.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Mạng lưới thu gom, xử lý bụi: Sử dụng thiết bị lọc bụi tay áo để không chế các bụi hạt khô; Sử dụng các cyclone lắng bụi để xử lý bụi tại các công đoạn phát sinh bụi trong quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Mạng lưới thu gom khí thải Lò hơi: Khí thải phát sinh tại buồng đốt, dẫn bằng ống dẫn đưa đến hệ thống xử lý.

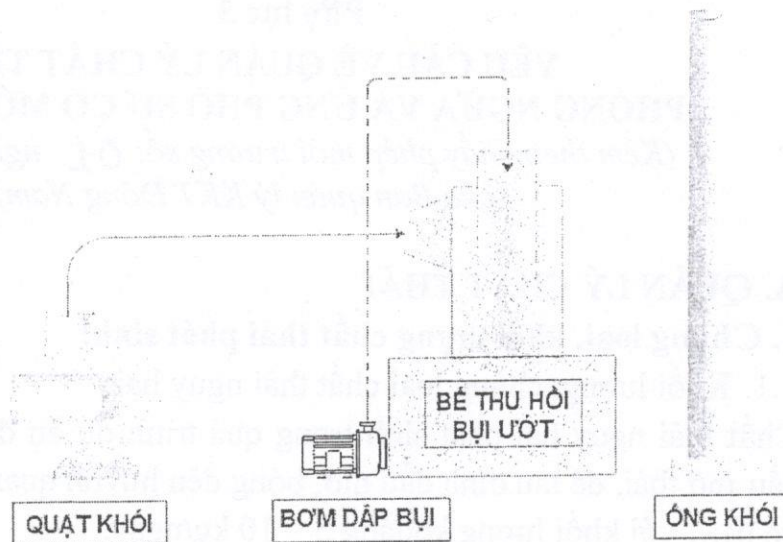
1.2. Công trình xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khói kèm bụi từ Lò Hơi đầu tiên sẽ được đưa vào Cyclone tổ hợp. Bộ khử bụi Cyclone tổ hợp là một tổ hợp các cyclone đơn sử dụng tác dụng của lực ly tâm để phân ly các hạt bụi thô, đảm bảo thu được trên 95% tro bụi bay theo đường khói.

Để xử lý môi trường đạt được triệt để. Khói bụi sẽ được lắng đọng trong bể theo nguyên lý quán tính và hấp thụ bởi màng nước ở bể đập bụi để xử lý hoàn toàn lượng bụi trong khói.





- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép tại Mục A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Vận hành công trình xử lý khí thải đúng quy trình kỹ thuật; bố trí lỗ thăm phù hợp, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải;

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý khí thải, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ban quản lý KKT Đông Nam để chỉ đạo, giải quyết.

[Handwritten signature]



Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 01 ngày 01/7/2022
của Ban quản lý KKT Đông Nam)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại:**

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình dự án đi vào hoạt động bao gồm: Dầu mỡ thải, dẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, acqui hỏng, hộp mực in... với khối lượng khoảng 5 – 10 kg/ngày.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn thông thường gồm:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần rác bao gồm thực phẩm thừa (rau, quả,...), giấy vụn, bìa carton, túi nilon,... với khối lượng 66 kg/ngày;
- Chất thải rắn sản xuất (không nguy hại): Thành phần gồm: vỏ bao bì, phế phẩm, nguyên liệu rơi vãi,... với khối lượng 300 kg/ngày.
- Tro thải phát sinh từ hệ thống Lò hơi, khối lượng 3000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại****2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

Được lưu chứa vào các thùng phi (bằng nhựa), mỗi loại được lưu chứa riêng vào một thùng, có dán nhãn biển báo chất thải nguy hại theo mã chất thải nguy hại.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 20,4 m²;
- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: kho được xây bằng gạch dày 20 cm, có biển báo trong kho và ngoài kho, mái che bằng tôn, cửa và nền được lát gạch.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu vào các thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa khoảng 15 kg/thùng, có lót túi và có màu xanh, dán nhãn và được bố trí tại phòng ban, bộ phận. Hàng ngày, chất thải rắn sinh hoạt được chuyển về tập kết ở khu vực lưu giữ của nhà máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Tro thải từ hệ thống lò hơi, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được tập kết tại khu vực có mái che, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Chất thải rắn tái chế được thu gom, phân loại tại nguồn. Hàng ngày, chất thải rắn tái chế được chuyển về kho lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 40,8 m²;
- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: kho được xây bằng gạch dày 20 cm, có biển báo, mái che bằng tôn, cửa và nền được lát gạch.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải); vận hành thiết bị đúng quy trình, thao tác và định lượng các hóa chất sử dụng theo khuyến nghị và hướng dẫn;
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý chất thải, kịp thời phát hiện và khắc phục khi sự cố xảy ra;
- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải thu gom, quản lý chất thải thông thường, chất thải nguy hại;
- Lắp đặt, trang bị hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị. Xây dựng phương án ứng phó và phối hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra./.

DSC

M. T. NGUYEN